Phân biệt “Ban kiểm soát” và “Ủy ban kiểm toán” trong Công ty Cổ phần

(GPLaw) – Trong cơ cấu quản trị của các Công ty Cổ phần, “Ban kiểm soát” và “Ủy ban Kiểm toán” là hai khái niệm quan trọng nhưng thường được hiểu nhầm hoặc sử dụng không chính xác. Mặc dù cả hai đều có vai trò giám sát và đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nhưng chúng có những điểm khác biệt cơ bản về chức năng, thẩm quyền và cách thức hoạt động. Việc hiểu rõ sự khác biệt giữa Ban kiểm soát và Ủy ban kiểm toán giúp các doanh nghiệp xây dựng cơ cấu quản trị minh bạch, chuyên nghiệp và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý.

1. Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần:

Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan chưa có quy định rõ ràng về định nghĩa của Ban kiểm soát, nhưng có thể hiểu đây là một tổ chức được lập ra bởi Đại hội đồng cổ đông, với những vai trò chính là giám sát, kiểm tra, thẩm định các công việc về quản trị nội bộ của doanh nghiệp.

Ban kiểm soát gồm Trưởng Ban kiểm soát và Kiểm soát viên:

"Điều 65. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ 01 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 168 và Điều 169 của Luật này.

3. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và chế độ làm việc của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện tương ứng theo quy định tại các điều 106, 170, 171, 172, 173 và 174 của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này."

Luật Doanh nghiệp 2020 quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát như sau:

"Điều 170. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề

được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông."

2. Ủy ban Kiểm toán của Công ty Cổ phần:

Ủy ban kiểm toán là một bộ phận trực thuộc hội đồng quản trị, được ví như là "cánh tay nối dài" của Hội đồng quản trị với chức năng chủ yếu là đảm bảo tính độc lập của kiểm toán trong phạm vi doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về Ủy ban kiểm toán như sau:

"Điều 161. Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

3. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

b) Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

đ) Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

e) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

g) Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty."

3. Phân biệt "Ban kiểm soát" và Ủy ban Kiểm toán" trong Công ty Cổ phần:

Điểm giống nhau:

- Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát;
- Phải đảm bảo tính khách quan, độc lập trong hoạt động.

Điểm khác nhau:

- Ban kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát gồm các Kiểm soát viên, Ủy ban kiểm toán gồm các thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

4. Công ty Cổ phần đã có Ban kiểm toán thì có phi lập Ủy ban Kiểm toán (Ban Kiểm toán Nội bộ) không?

Căn cứ **Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020**, cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần được quy định như sau:

"Điều 137. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần

1. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;

b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành."

Vậy, nếu Công ty Cổ phần đã có Ban kiểm toán thì không phải lập Ủy ban kiểm toán, công ty có thể lựa chọn tổ chức, quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình được quy định tại Điều trên, cụ thể như sau:

Mô hình 1: Công ty có dưới 11 cổ đông, tổng số cổ phần mà các cổ đông là tổ chức sở hữu là dưới 50%. Nếu công ty thuộc trường hợp này thì không bắt buộc phải có Ban Kiểm soát.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

Mô hình 2: Có ít nhất 20% số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập; đồng thời có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT. Trong trường hợp này, công ty bắt buộc phải có Ban Kiểm soát.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc